

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Vinh
2. Bà Nguyễn Thị Kim Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh TN; có Đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Thanh Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 246, khu phố N, phường N, thành phố TN, tỉnh TN; có Đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T, anh Trương Thanh Q chung sống vợ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố TN, tỉnh TN vào ngày 22/9/2018. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q gia trưởng, vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, lối sống. Hiện nay tình cảm vợ chồng anh chị không còn, không thể hàn gắn lại nên chị T xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Trương Ngọc Mai A, sinh ngày 15/01/2020. Chị T xin nuôi con, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo Bản tự khai ngày 26/8/2022, bị đơn anh Trương Thanh Q trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống vợ chồng, thời gian và nơi đăng ký kết hôn thống nhất như chị T trình bày. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân liên quan đến vấn đề tiền bạc và chị T tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, anh Q nhiều lần năn nỉ chị T nhưng chị không đồng ý quay lại. Nay chị T xin ly hôn với anh Q thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q đồng ý giao con chung Trương Ngọc Mai A, sinh ngày 15/01/2020 cho chị T nuôi, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thảo và anh Q. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Mai A, sinh ngày 15/01/2020 cho chị Thảo nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị T có yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Q cư trú tại khu phố N, phường N, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị T, anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Q là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh Q chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố TN, tỉnh TN vào ngày 22/9/2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q: Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Q gia trưởng, vợ chồng bất đồng quan điểm, có nhiều mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, lối sống. Anh Q cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân liên quan đến vấn đề tiền bạc. Chị T, anh Q thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Ngọc Mai A, sinh ngày 15/01/2020. Chị T, anh Q thống nhất giao cháu Anh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên ghi nhận.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị T, anh Q thống nhất anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận chị Trần Thị Thanh T và anh Trương Thanh Q thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận anh chị thống nhất giao Trương Ngọc Mai A, sinh ngày 15/01/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001198 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHATPTN;
- UBND phường N, TPTN
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tới

Trần Tấn Phát

Đặng Thị Ngọc Dung